

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH
Sản xuất nông nghiệp vụ Mùa năm 2021 trên địa bàn tỉnh

I. Nhận định tình hình thời tiết, thủy văn, nguồn nước

1. Tình hình thời tiết, thủy văn:

Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Ninh Thuận: Hiện tượng ENSO sẽ tiếp tục duy trì ở trạng thái trung tính từ nay đến tháng 9 năm 2021 với xác suất khoảng 75-80%, sau đó giảm xuống khoảng 50% vào cuối năm 2021 và tiếp tục duy trì đến đầu năm 2022. Từ nay đến hết năm 2021 còn khoảng 9-11 cơn bão và áp thấp nhiệt đới hoạt động trên Biển Đông, trong đó có khoảng 4-5 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta. Khu vực Ninh Thuận khả năng từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2021 có từ 1-2 áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến khu vực, đề phòng mưa lớn xảy ra dồn dập trong các tháng 11, tháng 12 năm 2021. Nhiệt độ trung bình ở mức thấp hơn đến xấp xỉ trung bình nhiều năm, ven biển ở mức 26,5-27,5⁰C, vùng núi ở mức 26-27⁰C.

Tổng lượng mưa trong các tháng 8 đến tháng 12 năm 2021 ở mức xấp xỉ đến thấp hơn một ít so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ; vùng ven biển ở mức 500-850 mm, vùng núi tại trạm Tân Mỹ lượng mưa từ 500-940 mm, số ngày mưa ở mức 40-60 ngày, vùng núi khu vực giáp Lâm Đồng, Khánh Hòa ở mức 850-1500 mm. Trong tháng 11 và nửa đầu tháng 12 khả năng có mưa to trong thời gian ngắn, cần đề phòng có lũ lớn, ngập úng vùng trũng thấp thời gian này. Từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2021, mực nước trên các sông suối tỉnh Ninh Thuận chủ yếu ít biến đổi đến dao động nhỏ, xen kẽ xuất hiện lũ báo động 1 đến báo động 2. Tháng 11, tháng 12 khả năng có lũ báo động 2 đến báo động 3. Một số vùng trũng thấp cần đề phòng ngập úng thời kỳ nửa cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 2021.

2. Tình hình nguồn nước:

Tính đến ngày 09/9/2021, tổng dung tích 21 hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh hiện còn 62,89/194,49 triệu m³ đạt 32,34% dung tích thiết kế; lượng nước chứa tại hồ Đơn Dương 111,44/165 triệu m³ đạt 67,54% dung tích thiết kế, lưu lượng nước vào hồ là 60,23 m³/s và lưu lượng xả qua nhà máy là 23,79 m³/s.

II. Kế hoạch sản xuất vụ Mùa năm 2021

1. Quan điểm chỉ đạo: Ưu tiên nguồn nước đảm bảo phục vụ sinh hoạt cho nhân dân, nước uống cho gia súc và các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh, nguồn nước cho cây trồng lâu năm. Tiếp tục theo dõi diễn biến tình hình thời tiết, đặc

biệt là lượng nước được tích trữ tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh và hồ Đơn Dương để chủ động có phương án sản xuất linh hoạt, hiệu quả, tổ chức điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm, phù hợp sản xuất cụ thể từng xứ đồng; ứng phó với việc sản xuất lệch vụ, thích ứng với biến đổi khí hậu. Quán triệt và thực hiện Phương châm hành động năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh **“Đoàn kết, sáng tạo, kỷ cương, phát triển, tăng tốc, hiệu quả”** và thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn được Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Tuyên truyền nhân dân tổ chức sản xuất vụ Mùa năm 2021 đảm bảo đúng tiến độ, lịch thời vụ khuyến cáo của ngành Nông nghiệp.

2. Kế hoạch sản xuất: Căn cứ dự báo tình hình khí tượng, thủy văn, nguồn nước trữ tại các hồ chứa trên địa bàn tỉnh và hồ Đơn Dương hiện tại, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ Mùa năm 2021 với 02 phương án. Tùy vào điều kiện thực tế để triển khai tổ chức sản xuất vụ Mùa 2021 theo phương án phù hợp, đạt hiệu quả.

a) Phương án 1:

Trong điều kiện tháng 9/2021 trên địa bàn tỉnh không mưa, các hồ không có lượng nước đến bổ sung; nguồn nước trữ hiện tại của hồ Đơn Dương và Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ thì sẽ điều tiết nước phục vụ sản xuất tại khu tưới của các hồ chứa (*trừ hồ Phước Nhơn, CK7, Tà Ranh, Bàu Zôn, Ông Kinh, Bà Râu*), khu tưới của hệ thống Sông Pha, Nha Trinh - Lâm Cẩm, Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ và một số vùng thuộc khu tưới hồ, đập nhỏ do huyện quản lý. Kế hoạch gieo trồng cây hàng năm trong vụ Mùa 2021 với diện tích là **22.134,8 ha** (*gồm: lúa 12.449,8 ha; màu 9.685ha*), cụ thể kế hoạch gieo trồng trong vụ Mùa 2021 các địa phương như sau:

- TP. Phan Rang-Tháp Chàm: 1.275 ha (*trong đó: lúa 900 ha; màu 375 ha*).
- Huyện Bác Ái: 2.080 ha (*trong đó: lúa 675 ha; màu 1.405 ha*).
- Huyện Ninh Sơn: 7.057 ha (*trong đó: lúa 3.040 ha; màu 4.017 ha*).
- Huyện Ninh Hải: 2.535,4 ha (*trong đó: lúa 2.127,4 ha; màu 408 ha*).
- Huyện Ninh Phước: 7.634,9 ha (*trong đó: lúa 4.811,4 ha; màu 2.823,5ha*).
- Huyện Thuận Bắc: 1.099,5 ha (*trong đó: lúa 896 ha; màu 203,5 ha*).
- Huyện Thuận Nam: 453 ha (*trong đó: lúa 0 ha; màu 453 ha*).

b) Phương án 2:

Trong điều kiện tháng 9/2021 trên địa bàn tỉnh có mưa, dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt trên 50% dung tích thiết kế; nguồn nước trữ hiện tại của hồ Đơn Dương và Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ thì sẽ điều tiết nước phục vụ sản xuất tại khu tưới của hồ chứa, khu tưới của hệ thống Sông Pha, Nha Trinh - Lâm Cẩm và Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ và một số vùng thuộc khu tưới hồ, đập nhỏ do huyện quản lý. Kế hoạch gieo trồng cây hàng năm trong vụ Mùa 2021 với

diện tích là **25.949** ha (gồm: lúa 14.965,7 ha; màu 10.983,3 ha), cụ thể Kế hoạch gieo trồng trong vụ Mùa 2021 của các địa phương như sau:

- TP. Phan Rang-Tháp Chàm: 1.275 ha (trong đó: lúa 900 ha; màu 375 ha).
- Huyện Bác Ái: 2.830 ha (trong đó: lúa 675 ha; màu 2.155 ha).
- Huyện Ninh Sơn: 7.057 ha (trong đó: lúa 3.040 ha; màu 4.017 ha).
- Huyện Ninh Hải: 2.555,8 ha (trong đó: lúa 2.147,8 ha; màu 408 ha).
- Huyện Ninh Phước: 8.114,2ha (trong đó: lúa 5.290,7 ha; màu 2.823,5ha).
- Huyện Thuận Bắc: 3.664 ha (trong đó: lúa 2.912,2 ha; màu 751,8 ha).
- Huyện Thuận Nam: 453 ha (trong đó: lúa 0 ha; màu 453 ha).

(Chi tiết theo Phụ lục các Phương án đính kèm)

III. Giải pháp thực hiện

1. Về công tác quản lý nhà nước:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, vận động bà con nông dân xuống giống đúng thời vụ và cơ cấu giống theo hướng của ngành Nông nghiệp; đồng thời, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng đạt chỉ tiêu năm 2021.

- Tăng cường kiểm tra về chất lượng giống để người dân yên tâm và chấp nhận giảm lượng giống gieo sạ theo khuyến cáo nhằm tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục khuyến cáo để người dân biết giảm lượng giống gieo sạ, giảm phân, thuốc bảo vệ thực vật trong điều kiện giá vật tư tăng cao như hiện nay sản xuất sẽ không hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Công thương tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng phân bón, giá vật tư đầu vào; đồng thời, khuyến cáo sử dụng phân bón hợp lý, nhất là phân Kali (vì nguồn phân nhập khẩu, sản xuất phải chịu giá cao không cần thiết) để người dân yên tâm sản xuất.

2. Giải pháp kỹ thuật:

- Xuống giống đúng thời vụ, tập trung theo cơ cấu giống và thời vụ đã được ngành Nông nghiệp khuyến cáo để né tránh thiệt hại do mưa lũ ảnh hưởng đến năng suất. Đối với giống lúa, khuyến cáo sử dụng giống lúa cấp xác nhận, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến như: kỹ thuật "1 phải 5 giảm", "3 giảm 3 tăng"; ưu tiên lựa chọn các giống ngắn ngày, giống có chất lượng.

- Tùy theo thành phần cơ giới và độ màu mỡ của đất để bón phân cân đối, không để thừa đạm, tránh gia tăng sâu bệnh hại làm giảm năng suất cây trồng (đất tốt có thể khuyến cáo giảm từ 10-15% phân Ure và Kali).

- Tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ từ các nguồn phế phẩm chăn nuôi của các hộ để giảm bớt phân bón hóa học và thuốc trừ sâu bệnh nhằm tiết kiệm

chi phí sản xuất cho người nông dân.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương hướng dẫn thực hiện gieo trồng đúng khung lịch thời vụ và cơ cấu giống vụ Mùa năm 2021.

- Chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tăng cường công tác dự tính, dự báo các đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng và có hướng dẫn kịp thời; công tác thanh tra, kiểm tra sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các vi phạm trong sản xuất, kinh doanh giống, vật tư sản xuất nông nghiệp. Phối hợp với các địa phương triển khai kế hoạch sản xuất cánh đồng lớn đạt kết quả tốt; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Hướng dẫn nông dân áp dụng kịp thời các biện pháp “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”,... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông chủ động phối hợp với địa phương và các đơn vị thuộc ngành Nông nghiệp hỗ trợ tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trong chuyển đổi vụ Mùa năm 2021 nhằm đạt và vượt chỉ tiêu được giao trong năm. Xây dựng, nhân rộng mô hình, tiến bộ kỹ thuật về giống và công nghệ, thiết bị phù hợp để hỗ trợ nông dân sản xuất hiệu quả.

- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản chủ động phối hợp với các cơ quan, địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng nông sản; phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng chất cấm dùng trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tổ chức phổ biến các chính sách hỗ trợ của nhà nước cho người dân biết, tiếp cận; sử dụng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển giao để chủ động đăng ký thực hiện chuyển đổi cây trồng vụ Mùa phù hợp với điều kiện tại địa phương. Đồng thời, kêu gọi các Công ty, doanh nghiệp, đại lý thu mua nông sản trên địa bàn phối hợp, hỗ trợ bà con nông dân trong việc cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ Mùa năm 2021 trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với ngành Nông nghiệp hướng dẫn, khuyến cáo nhân dân tổ chức xuống giống tập trung, đồng loạt, dứt điểm từng khu vực, xù đồng theo lịch thời vụ. Đối với những vùng trũng, cuối kênh thường bị ngập úng khi xuất hiện lũ hoặc những khu vực thu hoạch vụ Hè thu muộn không kịp xuống giống vụ Mùa năm 2021, có thể chuyển sang gieo trồng vụ Đông xuân 2021-2022 sớm để đảm bảo sản xuất đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn hướng dẫn nông dân thực hiện

nghiêm túc lịch thời vụ và cơ cấu giống vụ Mùa năm 2021 theo khuyến cáo của ngành Nông nghiệp.

- Phối hợp với ngành Nông nghiệp thực hiện tốt các chương trình, mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Thực hiện quyết liệt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng cánh đồng lớn đạt hiệu quả.

- Phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tổ chức rà soát, có giải pháp phù hợp duy trì hoạt động các tổ PIM để tổ chức quản lý, điều tiết nước tại từng cánh đồng, vùng sản xuất, tránh tình trạng các vùng sản xuất đầu nguồn thì lãng phí nguồn nước, dẫn đến nước không đủ phục vụ các vùng sản xuất cuối nguồn,...

3. Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi:

- Tiếp tục theo dõi tình hình khí hậu, thời tiết, lượng mưa trong thời gian tới, đồng thời thường xuyên phối hợp với Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi thống nhất kế hoạch cấp nước từ nay đến cuối năm 2021 để phục vụ nước sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, phù hợp theo từng thời điểm.

- Nạo vét các kênh mương, gia cố các bờ đập, khơi thông dòng chảy, đảm bảo điều tiết nước nhanh và kịp thời cho sản xuất, điều tiết nước theo từng giai đoạn phù hợp với yêu cầu cây trồng. Quán triệt đến từng địa phương cụ thể về khả năng đảm bảo của nguồn nước, không sản xuất diện tích vượt quá năng lực phục vụ của công trình thủy lợi, chuyển đổi vụ Mùa tại những nơi có khả năng thiếu nước. Phối hợp với UBND các huyện, thành phố chủ động thực hiện điều tiết nước hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với lịch sản xuất, cụ thể đến từng khu vực, xứ đồng, tránh lãng phí nguồn nước.

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch vụ Mùa năm 2021 đảm bảo đạt hiệu quả./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, CT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công ty TNHH MTV KTCTTL;
- Các Chi cục: TTBVTV, QLCLNLTS, TL;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Báo Ninh thuận, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: LDVP, KTTH;
- Lưu: VT. HC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

Phụ lục

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CÂY HÀNG NĂM TRONG VỤ MÙA NĂM 2021
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9/2021 của UBND tỉnh)

1. Phương án 1:

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện, thành phố						
				PR-TC	Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
	Tổng diện tích cây hàng năm	ha	22.134,8	1.275,0	2.080,0	7.057,0	2.535,4	7.634,9	1.099,5	453,0
	<i>Trong đó:</i>									
	<i>Diện tích cây lúa</i>	<i>ha</i>	<i>12.449,8</i>	<i>900,0</i>	<i>675,0</i>	<i>3.040,0</i>	<i>2.127,4</i>	<i>4.811,4</i>	<i>896,0</i>	<i>-</i>
	<i>Diện tích cây màu</i>	<i>ha</i>	<i>9.685,0</i>	<i>375,0</i>	<i>1.405,0</i>	<i>4.017,0</i>	<i>408,0</i>	<i>2.823,5</i>	<i>203,5</i>	<i>453,0</i>
I	Diện tích sản xuất trong hệ thống tưới	ha	19.168,8	1.275,0	1.920,0	4.597,0	2.189,4	7.634,9	1.099,5	453,0
1	Cây lương thực có hạt	ha	14.573,8	910,0	1.505,0	3.507,0	2.087,4	5.488,4	976,0	100,0
1.1	Lúa									
	- Diện tích	ha	11.416,8	900,0	610,0	2.112,0	2.087,4	4.811,4	896,0	-
	- Năng suất	tạ/ha	59,3	62,0	38,0	58,0	60,0	62,0	58,0	-
	- Sản lượng	tấn	67.699,5	5.580,0	2.318,0	12.249,6	12.524,4	29.830,7	5.196,8	-
1.2	Ngô									
	- Diện tích	ha	3.157,0	10,0	895,0	1.395,0		677,0	80,0	100,0
	- Năng suất	tạ/ha	47,6	60,0	39,0	49,7		55,0	48,0	45,0
	- Sản lượng	tấn	15.041,2	60,0	3.490,5	6.933,2	-	3.723,5	384,0	450,0
2	Cây lấy củ có chất bột	ha	75,0	-	-	60,0	-	5,0		10,0

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện, thành phố						
				PR-TC	Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
2.1	Khoai lang									
	- Diện tích	ha	60,0			50,0				10,0
	- Năng suất	tạ/ha	148,3			152,9				125,0
	- Sản lượng	tấn	889,5			764,5	-	-	-	125,0
2.2	Mì									
	- Diện tích	ha	15,0			10,0		5,0		
3	Cây rau, đậu, hoa các loại	ha	3.172,4	304,0	415,0	600,0	102,0	1.471,5	90,0	190,0
3.1	Rau các loại									
	- Diện tích	ha	2.285,0	287,0	35,0	300,0	102,0	1.371,0	70,0	120,0
	- Năng suất	tạ/ha	167,8	180,0	160,0	145,0	120,0	175,0	160,0	160,0
	- Sản lượng	tấn	38.332,5	5.166,0	560,0	4.350,0	1.224,0	23.992,5	1.120,0	1.920,0
3.2	Đậu hạt các loại									
	- Diện tích	ha	859,4	4,0	380,0	300,0		85,5	20,0	70,0
	- Năng suất	tạ/ha	6,6	7,5	6,5	6,2		7,5	7,0	7,0
	- Sản lượng	tấn	563,1	3,0	247,0	186,0		64,1	14,0	49,0
3.3	Hoa, cây cảnh	ha	28,0	13,0				15,0		
4	Cây Công nghiệp	ha	106,0	3,0	-	43,0	-	50,0	-	10,0
4.1	Lạc									
	- Diện tích	ha	106,0	3,0		43,0	-	50,0		10,0
	- Năng suất	Tạ/ha	11,5	13,0		11,0	-	12,0		11,0
	- Sản lượng	tấn	122,2	3,9	-	47,3	-	60,0	-	11,0
4.2	Mía	ha								
	- Diện tích trồng mới	ha	-	-		-	-	-	-	-
5	Cây gia vị, dược liệu hàng năm	ha	192,1	12,0	-	22,0	-	128,1	-	30,0
5.1	Cây gia vị hàng năm	ha	174,8	12,0		22,0		110,8		30,0

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện, thành phố						
				PR-TC	Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
5.2	Cây dược liệu hàng năm	ha	17,3					17,3		
6	Cây hàng năm khác	ha	1.049,5	46,0	-	365,0	-	492,4	33,5	113,0
6.1	Cỏ làm thức ăn gia súc	ha	1.036,5	46,0		365,0		479,0	33,5	113,0
6.2	Cây hàng năm khác (sen)	ha	13,0					13,0		
II	Diện tích sản xuất ngoài hệ thống tưới	ha	2.966,0	-	160,0	2.460,0	346,0	-	-	-
1	Cây lúa									
	- Diện tích	ha	1.033,0		65,0	928,0	40,0			
	- Năng suất	tạ/ha	56,8		38,0	58,0	60,0			
	- Sản lượng	tấn	5.869,4		247,0	5.382,4	240,0	-	-	-
2	Ngô									
	- Diện tích	ha	850,0		50,0	800,0				
	- Năng suất	tạ/ha	49,0		38,0	49,7				
	- Sản lượng	tấn	4.166,0		190,0	3.976,0	-	-	-	-
3	Rau các loại									
	- Diện tích	ha	463,0		10,0	250,0	203,0			
	- Năng suất	tạ/ha	145,2		160,0	165,0	120,0			
	- Sản lượng	tấn	6.721,0		160,0	4.125,0	2.436,0			
4	Đậu các loại									
	- Diện tích	ha	295,0		35,0	260,0				
	- Năng suất	tạ/ha	12,7		6,5	6,2				
	- Sản lượng	tấn	184,0		22,8	161,2				
5	Lạc									
	- Diện tích	ha	204,0			204,0				
	- Năng suất	tạ/ha	11,0			11,0				
	- Sản lượng	tấn	224,4			224,4				
6	Cỏ làm thức ăn gia súc	ha	121,0			18,0	103,0		-	

2. Phương án 2:

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện, thành phố						
				PR-TC	Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
	Tổng diện tích cây hàng năm	ha	25.949,0	1.275,0	2.830,0	7.057,0	2.555,8	8.114,2	3.664,0	453,0
	<i>Trong đó:</i>									
	<i>Diện tích cây lúa</i>	<i>ha</i>	<i>14.965,7</i>	<i>900,0</i>	<i>675,0</i>	<i>3.040,0</i>	<i>2.147,8</i>	<i>5.290,7</i>	<i>2.912,2</i>	<i>-</i>
	<i>Diện tích cây màu</i>	<i>ha</i>	<i>10.983,3</i>	<i>375,0</i>	<i>2.155,0</i>	<i>4.017,0</i>	<i>408,0</i>	<i>2.823,5</i>	<i>751,8</i>	<i>453,0</i>
I	Diện tích sản xuất trong hệ thống tưới	ha	22.732,0	1.275,0	2.419,0	4.597,0	2.209,8	8.114,2	3.664,0	453,0
1	Cây lương thực có hạt	ha	17.650,2	910,0	1.814,0	3.507,0	2.107,8	5.967,7	3.243,7	100,0
1.1	Lúa									
	- Diện tích	ha	13.932,7	900,0	610,0	2.112,0	2.107,8	5.290,7	2.912,2	-
	- Năng suất	tạ/ha	59,2	62,0	38,0	58,0	60,0	62,0	58,0	-
	- Sản lượng	tấn	82.487,5	5.580,0	2.318,0	12.249,6	12.646,8	32.802,3	16.890,8	-
1.2	Ngô									
	- Diện tích	ha	3.717,5	10,0	1.204,0	1.395,0		677,0	3.717,5	100,0
	- Năng suất	tạ/ha	46,9	60,0	39,0	49,7		55,0	46,9	45,0
	- Sản lượng	tấn	17.453,5	60,0	4.695,6	6.933,2	-	3.723,5	17.453,5	450,0
2	Cây lấy củ có chất bột	ha	99,0	-	-	60,0	-	5,0	24,0	10,0
2.1	Khoai lang									
	- Diện tích	ha	60,0			50,0				10,0
	- Năng suất	tạ/ha	148,3			152,9				125,0
	- Sản lượng	tấn	889,5			764,5	-	-	-	125,0
2.2	Mì									
	- Diện tích	ha	39,0			10,0		5,0	39,0	
3	Cây rau, đậu, hoa các loại	ha	3.552,4	304,0	605,0	600,0	102,0	1.471,4	280,0	190,0

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện, thành phố						
				PR-TC	Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
3.1	Rau các loại									
	- Diện tích	ha	2.425,0	287,0	55,0	300,0	102,0	1.371,0	190,0	120,0
	- Năng suất	tạ/ha	167,3	180,0	160,0	145,0	120,0	175,0	160,0	160,0
	- Sản lượng	tấn	40.572,5	5.166,0	880,0	4.350,0	1.224,0	23.992,5	3.040,0	1.920,0
3.2	Đậu hạt các loại									
	- Diện tích	ha	1.099,4	4,0	550,0	300,0		85,4	90,0	70,0
	- Năng suất	tạ/ha	6,6	7,5	6,5	6,2		7,5	7,0	7,0
	- Sản lượng	tấn	722,6	3,0	357,5	186,0		64,1	63,0	49,0
3.3	Hoa, cây cảnh	ha	28,0	13,0				15,0		
4	Cây Công nghiệp	ha	106,0	3,0	-	43,0	-	50,0	-	10,0
4.1	Lạc									
	- Diện tích	ha	106,0	3,0		43,0	-	50,0		10,0
	- Năng suất	tạ/ha	11,5	13,0		11,0	-	12,0		11,0
	- Sản lượng	tấn	122,2	3,9	-	47,3	-	60,0	-	11,0
4.2	Mía	ha								
	- Diện tích trồng mới	ha	-	-		-	-	-	-	-
5	Cây gia vị, dược liệu hàng năm	ha	192,1	12,0	-	22,0	-	128,1	-	30,0
5.1	Cây gia vị hàng năm	ha	174,8	12,0		22,0		110,8		30,0
5.2	Cây dược liệu hàng năm	ha	17,3					17,3		
6	Cây hàng năm khác	ha	1.132,3	46,0	-	365,0	-	492,0	116,3	113,0
6.1	Cỏ làm thức ăn gia súc	ha	1.119,3	46,0		365,0		479,0	116,3	113,0
6.2	Cây hàng năm khác (sen)	ha	13,0					13,0		
II	Diện tích sản xuất ngoài hệ thống tưới	ha	3.217,0	-	411,0	2.460,0	346,0	-	-	-
1	Cây lúa									
	- Diện tích	ha	1.033,0		65,0	928,0	40,0			

STT	Danh mục	ĐVT	Tổng số	Chia ra các huyện, thành phố						
				PR-TC	Bác Ái	Ninh Sơn	Ninh Hải	Ninh Phước	Thuận Bắc	Thuận Nam
	- Năng suất	tạ/ha	56,8		38,0	58,0	60,0			
	- Sản lượng	tấn	5.869,4		247,0	5.382,4	240,0	-	-	-
2	Ngô									
	- Diện tích	ha	1.046,0		246,0	800,0				
	- Năng suất	tạ/ha	47,2		39,0	49,7				
	- Sản lượng	tấn	4.935,4		959,4	3.976,0	-	-	-	-
3	Rau các loại									
	- Diện tích	ha	463,0		10,0	250,0	203,0			
	- Năng suất	tạ/ha	134,4		160,0	145,0	120,0			
	- Sản lượng	tấn	6.221,0		160,0	3.625,0	2.436,0			
4	Đậu các loại									
	- Diện tích	ha	350,0		90,0	260,0				
	- Năng suất	tạ/ha	6,3		6,5	6,2				
	- Sản lượng	tấn	219,7		58,5	161,2				
5	Lạc									
	- Diện tích	ha	204,0			204,0				
	- Năng suất	tạ/ha	11,0			11,0				
	- Sản lượng	tấn	224,4			224,4				
6	Cỏ làm thức ăn gia súc	ha	121,0			18,0	103,0		-	